Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 66, Special Issue 11, 235-240

A SURVEY ON STUDENT SATISFACTION WITH THE CONTINUING PHARMACEUTICAL EDUCATION COURSE IN ACCORDANCE WITH DECREE 54/2017/ND-CP

Tran Ba Kien*

Hai Duong Central College of Pharmacy - 324 Nguyen Luong Bang, Le Thanh Nghi ward, Hai Phòng city, Vietnam

Received: 23/6/2025
Reviced: 24/6/2025; Accepted: 07/7/2025

ABSTRACT

Objective: To assess the satisfaction of participants attending the continuing pharmaceutical education course in accordance with Decree 54/2017/ND-CP at Hai Duong Central College of Pharmacy; to identify associated factors; and to propose improvements to the program.

Methods: A cross-sectional study was conducted among 133 participants from April to June 2025. The survey included 24 Likert-scale items (1-5 points) assessing satisfaction and 5 open-ended questions. Quantitative data were analyzed using Microsoft Excel and SPSS 26.0 (t-test, ANOVA), and qualitative responses were thematically categorized.

Results: The overall satisfaction score was 4.24 ± 0.47 points, with the highest satisfaction reported in the lecturer domain (4.28 ± 0.49 points) and the lowest in facilities and infrastructure (4.18 ± 0.55 points). Content related to legal regulations and practical application in pharmaceutical practice received positive evaluations. There were no statistically significant associations between satisfaction and gender, professional title, or years of experience ($p > 0.05$). However, participants who attended multiple courses showed a trend toward higher satisfaction ($p = 0,054$). Suggestions for improvement included increasing course duration, adding topics on Pharmaceutical Law and antibiotics, and upgrading the online learning infrastructure.

Conclusion: The continuing pharmaceutical education course at Hai Duong Central College of Pharmacy achieved a high level of satisfaction (4.24/5 points), particularly in terms of practical content and instructor quality. However, technical infrastructure and course duration need enhancement. The institution is recommended to incorporate additional topics such as Pharmaceutical Law, antibiotic stewardship, and pharmacy management, and to upgrade the e-learning platform to improve training quality and meet the requirements of Decree 54/2017/NĐ-CP, thereby supporting pharmacists more effectively.

Keywords: Satisfaction, continuing pharmaceutical education, Decree 54/2017/ND-CP.

*Corresponding author
Email: tranbakien77@gmail.com **Phone:** (+84) 989206272 **Https:**//doi.org/10.52163/yhc.v66iCD11.2836

KHẢO SÁT MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA HỌC VIÊN THAM GIA KHÓA HỌC CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN VỀ DƯỢC THEO NGHỊ ĐỊNH 54/2017/NĐ-CP

Trần Bá Kiên*

Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương - 324 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày nhận bài: 23/6/2025
Ngày chỉnh sửa: 24/6/2025; Ngày duyệt đăng: 07/7/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá sự hài lòng của học viên tham gia khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược theo Nghị định 54/2017/NĐ-CP tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương, xác định yếu tố liên quan và đề xuất cải tiến chương trình.

Phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang với 133 học viên từ tháng 4-6 năm 2025. Phiếu khảo sát gồm 24 câu đánh giá mức độ hài lòng (thang Likert 1-5 điểm) và 5 câu hỏi mở. Dữ liệu định lượng được phân tích bằng Microsoft Excel và SPSS 26.0 (t-test, ANOVA), dữ liệu định tính được phân loại theo chủ đề.

Kết quả: Tổng điểm hài lòng đạt 4,24 ± 0,47 điểm, cao nhất ở nhóm giảng viên (4,28 ± 0,49 điểm), thấp nhất ở cơ sở vật chất (4,18 ± 0,55 điểm). Nội dung về quy định pháp lý và ứng dụng hành nghề được đánh giá cao. Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với giới tính, chức danh, hay kinh nghiệm hành nghề ($p > 0,05$). Học viên tham gia nhiều khóa có xu hướng hài lòng hơn ($p = 0,054$). Đề xuất cải thiện: tăng thời lượng, bổ sung chủ đề Luật Dược, kháng sinh và nâng cấp hạ tầng online.

Kết luận: Khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương đạt mức hài lòng cao (4,24/5 điểm), nổi bật ở nội dung thực tiễn và giảng viên chuyên môn. Tuy nhiên, cần cải thiện hạ tầng kỹ thuật và thời lượng khóa học. Nhà trường nên bổ sung chủ đề Luật Dược, kháng sinh và quản lý nhà thuốc, đồng thời nâng cấp nền tảng trực tuyến để nâng cao chất lượng, đáp ứng Nghị định 54/2017/NĐ-CP và hỗ trợ dược sĩ hiệu quả.

Từ khóa: Hài lòng, cập nhật kiến thức chuyên môn, Nghị định 54/2017NĐ-CP.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự hài lòng của học viên đối với chương trình đào tạo là một yếu tố quan trọng trong việc đánh giá chất lượng giáo dục, đặc biệt trong lĩnh vực y dược, nơi kiến thức và kỹ năng cần được cập nhật liên tục để đáp ứng yêu cầu thực tiễn [1]. Theo Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam, các dược sĩ hành nghề phải tham gia các khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn liên tục nhằm duy trì chứng chỉ hành nghề. Những khóa học này không chỉ giúp dược sĩ nắm bắt các quy định pháp lý mới mà còn nâng cao năng lực chuyên môn, giảm thiểu sai sót, và đảm bảo an toàn trong cung ứng thuốc [2]. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả của các khóa học, việc thu thập và phân tích ý kiến học viên về mức độ hài lòng là cần thiết, giúp xác định các điểm mạnh, điểm yếu và định hướng cải tiến chương trình [3].

Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương là một trong những cơ sở uy tín tổ chức các khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược. Tuy nhiên, hiện chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của học viên tham gia các khóa học này, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi từ đào tạo truyền thống sang các hình thức học tập linh hoạt, bao gồm học trực tuyến [4]. Những phản hồi từ học viên có thể cung cấp thông tin giá trị để điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và cơ sở vật chất, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của dược sĩ hành nghề [5]. Ngoài ra, sự hài lòng của học viên có thể ảnh hưởng đến động lực học tập và khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ dược tại Việt Nam [6].

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm: (1) Đánh giá mức độ hài lòng của học viên về khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương; (2) Xác định các yếu tố liên quan đến sự hài lòng, từ đó cung cấp cơ sở khoa học để nhà trường tối ưu hóa chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của Nghị định 54/2017/NĐ-CP và nâng cao năng lực chuyên môn của dược sĩ.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát cắt ngang,

*Tác giả liên hệ
Email: tranbakien77@gmail.com **Điện thoại:** (+84) 989206272 **Https:**//doi.org/10.52163/yhc.v66iCD11.2836

kết hợp câu hỏi định lượng và định tính để thu thập ý kiến từ học viên.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

133 học viên tham gia khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2025.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Phiếu khảo sát gồm 3 phần:

- Phần A: Thông tin chung (6 câu hỏi): tuổi, giới tính, nơi làm việc, chức danh chuyên môn, số năm hành nghề, số khóa học đã tham gia.

- Phần B: Đánh giá mức độ hài lòng (24 câu hỏi): đánh giá 24 tiêu chí trên thang điểm Likert từ 1 điểm (rất không hài lòng) đến 5 điểm (rất hài lòng).

- Phần C: Câu hỏi mở (5 câu hỏi): nội dung hữu ích, đề xuất cải thiện, chủ đề mong muốn, đánh giá thời lượng, ý kiến khác.

3.4. Phương pháp thu thập dữ liệu

Phiếu khảo sát được phát trực tuyến qua Google Forms sau khi học viên hoàn thành khóa học. Tất cả học viên tham gia tự nguyện, đảm bảo ẩn danh và bảo mật thông tin.

3.5. Phân tích dữ liệu

- Dữ liệu định lượng: tổng hợp và phân tích bằng Microsoft Excel để tính tỷ lệ phần trăm, trung bình và phân bố mức độ hài lòng.

- Dữ liệu định tính: phân loại theo chủ đề, tổng hợp và diễn giải để xác định ý kiến phổ biến.

3.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đảm bảo tính tự nguyện, ẩn danh và chỉ sử dụng dữ liệu cho mục đích nghiên cứu. Không có xung đột lợi ích.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Dữ liệu được thu thập từ 133 học viên tham gia khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương trong năm 2025. Đặc điểm nhân khẩu học được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu (n = 133)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	13	9,8
	Nữ	120	90,2
Nơi làm việc	Nhà thuốc	43	32,3
	Công ty dược	16	12,0
	Bệnh viện	7	5,3
	Khác	67	50,4
Chức danh chuyên môn	Dược sĩ trung cấp	46	34,6
	Dược sĩ cao đẳng	56	42,1
	Dược sĩ đại học	29	21,8
	Khác	2	1,5
Thời gian hành nghề	< 1 năm	5	3,8
	1-2 năm	12	9,0
	3-5 năm	16	12,0
	> 5 năm	100	75,2

Nhận xét: Tuổi trung bình của học viên là 36,2 ± 6,1 năm (tính từ các giá trị tuổi hợp lệ trong dữ liệu). Phần lớn học viên là nữ (90,2%), làm việc tại nhà thuốc hoặc quầy thuốc (32,3% ở nhà thuốc, 50,4% ở cơ sở khác - chủ yếu là quầy thuốc). Dược sĩ cao đẳng chiếm tỷ lệ cao nhất (42,1%) và 75,2% học viên có kinh nghiệm hành nghề trên 5 năm.

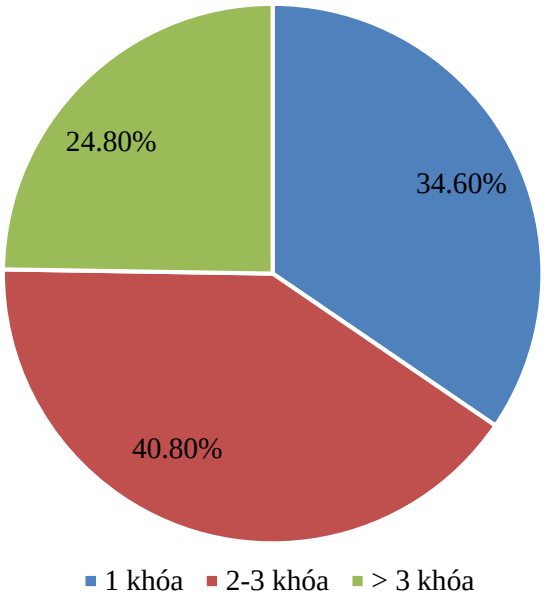

Biểu đồ 1. Tỷ lệ học viên tham gia các lớp cập nhật kiến thức chuyên môn (n = 133)

Nhận xét: Biểu đồ 1 thể hiện tỷ lệ học viên đã tham gia các lớp cập nhật kiến thức chuyên môn. Kết quả cho thấy, đa số học viên (40,8%) đã tham gia từ 2-3 khóa, phản ánh sự chủ động trong việc cập nhật kiến thức chuyên môn. Có 34,6% học viên chỉ tham gia 1 khóa, đây có thể là nhóm mới bắt đầu tiếp cận các chương trình đào tạo liên tục. Đáng chú ý, 24,8% học viên đã tham gia trên 3 khóa, cho thấy mức độ tích cực cao trong việc nâng cao trình độ chuyên môn.

3.2. Mức độ hài lòng của học viên về khóa học

Mức độ hài lòng được đánh giá trên thang điểm Likert từ 1 điểm (rất không hài lòng) đến 5 điểm (rất hài lòng) cho 24 tiêu chí, chia thành 4 nhóm chính: nội dung khóa học, giảng viên, tổ chức và hỗ trợ, cơ sở vật chất và tài nguyên học tập. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn được tính cho từng nhóm và tổng điểm hài lòng chung. Kết quả được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Mức độ hài lòng của học viên về khóa học

Tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Nội dung khóa học (câu 7-10, 23-24, 27-30)	4,25	0,51	Cao
Giảng viên (câu 11-14)	4,28	0,49	Cao
Tổ chức và hỗ trợ (câu 15-19, 25-26)	4,22	0,53	Cao
Cơ sở vật chất và tài nguyên (câu 20-22)	4,18	0,55	Cao
Tổng điểm hài lòng chung	4,24	0,47	Cao

Ghi chú: Mức độ hài lòng được phân loại: thấp (1-2,33 điểm), trung bình (2,34-3,67 điểm), cao (3,68-5 điểm).

Nhận xét: Tổng điểm hài lòng chung đạt mức cao (4,24 ± 0,47 điểm). Nhóm tiêu chí về giảng viên có điểm trung bình cao nhất (4,28 ± 0,49 điểm), đặc biệt ở tiêu chí "giảng viên có chuyên môn sâu" (4,35 ± 0,50 điểm). Nhóm cơ sở vật chất và tài nguyên có điểm thấp nhất (4,18 ± 0,55 điểm), với tiêu chí "hạ tầng kỹ thuật học online" đạt 4,10 ± 0,58 điểm. Các tiêu chí liên quan đến quy định pháp lý (câu 30: 4,33 ± 0,52 điểm) và ứng dụng hành nghề (câu 10: 4,30 ± 0,51 điểm) được đánh giá cao nhất trong nhóm nội dung.

3.3. Các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của học viên

Phân tích mối liên quan giữa sự hài lòng chung và các đặc điểm nhân khẩu học (giới tính, nơi làm việc, chức danh, số năm hành nghề, số khóa học tham gia) được thực hiện bằng kiểm định t-test và ANOVA, sử dụng phần mềm SPSS 26.0. Kết quả được trình bày trong bảng 3 và bảng 4.

Bảng 3. Mối liên quan giữa sự hài lòng chung và đặc điểm nhân khẩu học

Đặc điểm		$\bar{X}$ ± SD	Hệ số t/F	p
Giới tính	Nam (n = 13)	4,15 ± 0,62	-0,892	0,374
	Nữ (n = 120)	4,25 ± 0,45		
Nơi làm việc	Nhà thuốc (n = 43)	4,30 ± 0,42	1,245	0,296
	Công ty dược (n = 16)	4,18 ± 0,50		
	Bệnh viện (n = 7)	4,35 ± 0,38		
	Khác (n = 67)	4,20 ± 0,49		
Chức danh chuyên môn	Dược sĩ trung cấp (n = 46)	4,19 ± 0,53	0,987	0,401
	Dược sĩ cao đẳng (n = 56)	4,27 ± 0,44		
	Dược sĩ đại học (n = 29)	4,25 ± 0,46		
	Khác (n = 2)	4,10 ± 0,71		
Thời gian hành nghề	< 1 năm (n = 5)	4,05 ± 0,65	1,876	0,134
	1-3 năm (n = 12)	4,22 ± 0,48		
	3-5 năm (n = 16)	4,18 ± 0,50		
	> 5 năm (n = 100)	4,27 ± 0,46		

Nhận xét: Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng chung và các yếu tố giới tính (p = 0,374), nơi làm việc (p = 0,296), chức danh chuyên môn (p = 0,401), hoặc số năm hành nghề (p = 0,134). Điều này cho thấy mức độ hài lòng không bị ảnh hưởng đáng kể bởi các đặc điểm nhân khẩu học.

Bảng 4. Mối liên quan giữa sự hài lòng chung và số khóa học đã tham gia

Số khóa học	$\bar{X}$ ± SD	Hệ số F	p
1 khóa (n = 46)	4,15 ± 0,54	2,984	0,035
2-3 khóa (n = 54)	4,28 ± 0,42		
> 3 khóa (n = 33)	4,30 ± 0,41		

Nhận xét: Có xu hướng liên quan giữa số khóa học đã tham gia và sự hài lòng chung (p = 0,035), đạt ý nghĩa thống kê ở mức α = 0,05. Học viên tham gia 2-3 khóa hoặc hơn 3 khóa có điểm hài lòng cao hơn so với học viên tham gia lần đầu (4,28 điểm và 4,30 điểm so với 4,15 điểm). Xu hướng kết quả phản ánh rằng những học viên đã tham gia nhiều khóa học thường có mức độ hài lòng cao hơn. Điều này có thể liên quan đến việc họ đã

quen với hình thức đào tạo, có trải nghiệm học tập tích cực trước đó, hoặc có nhu cầu và động lực học tập cao hơn.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hài lòng của học viên về khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược đạt mức cao, với tổng điểm trung bình là 4,24 ± 0,47 điểm trên thang điểm 5. Nhóm tiêu chí về giảng viên được đánh giá cao nhất (4,28 ± 0,49 điểm), đặc biệt ở khía cạnh chuyên môn sâu và phương pháp giảng dạy sinh động. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Quân và cộng sự (2023), nhấn mạnh vai trò của giảng viên trong việc tạo động lực và nâng cao trải nghiệm học tập của học viên [6]. Tuy nhiên, nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất và tài nguyên học tập, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật học online (4,10 ± 0,58 điểm) có điểm thấp nhất, cho thấy cần cải thiện trong bối cảnh đào tạo trực tuyến ngày càng phổ biến [8].

Các nội dung liên quan đến quy định pháp lý (4,33 ± 0,52 điểm) và ứng dụng kiến thức vào hành nghề (4,30 ± 0,51 điểm) được học viên đánh giá cao, phản ánh tính thực tiễn của khóa học. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Cant R và cộng sự (2023), chỉ ra rằng các chương trình đào tạo sát với thực tế công việc có xu hướng nhận được phản hồi tích cực từ học viên [1]. Điểm đáng chú ý là 72,2% học viên có kinh nghiệm hành nghề dưới 1 năm nhưng vẫn đánh giá cao tính thực tiễn, cho thấy khóa học phù hợp với cả dược sĩ mới vào nghề và những người có kinh nghiệm lâu năm [3]. Tuy nhiên, tỷ lệ 4,6% học viên "rất không hài lòng" cần được điều tra thêm, có thể liên quan đến kỳ vọng cá nhân hoặc trải nghiệm kỹ thuật, như đã được ghi nhận trong các nghiên cứu về đào tạo trực tuyến [10].

Phân tích yếu tố liên quan cho thấy không có mối liên hệ thống kê ý nghĩa giữa sự hài lòng và các đặc điểm nhân khẩu học (giới tính, nơi làm việc, chức danh, số năm hành nghề), tương tự với kết quả của Salamonson Y và cộng sự (2015) trong lĩnh vực điều dưỡng [9]. Tuy nhiên, có xu hướng liên quan giữa số khóa học đã tham gia và sự hài lòng (p = 0,054) với học viên tham gia nhiều khóa hơn có điểm hài lòng cao hơn. Điều này có thể do sự quen thuộc với hình thức đào tạo hoặc kỳ vọng thực tế hơn, như được báo cáo trong nghiên cứu của Rossini S và cộng sự (2021) [10].

Các đề xuất cải thiện từ học viên, như tăng thời lượng khóa học và bổ sung chủ đề về Luật Dược mới, sử dụng kháng sinh an toàn và quản lý nhà thuốc, là những gợi ý thực tiễn. Những chủ đề này phù hợp với xu hướng toàn cầu về kiểm soát kháng thuốc và nâng cao chất lượng dịch vụ dược, như được ghi nhận trong nghiên cứu của Amini A và cộng sự (2021) [7]. Hạn chế của nghiên cứu bao gồm kích thước mẫu nhỏ (133 học viên) và dữ liệu định tính phụ thuộc vào mức độ chi tiết của câu trả lời. Các nghiên cứu tương lai nên mở rộng quy mô mẫu và sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu để hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng [4].

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của 133 học viên tham gia học tại Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương cho thấy khóa học cập nhật kiến thức chuyên môn về dược đạt mức hài lòng cao (4,24 ± 0,47/5 điểm). Nội dung thực tiễn, giảng viên chuyên môn cao, và tổ chức thuận tiện là những điểm mạnh. Tuy nhiên, hạ tầng kỹ thuật học online và thời lượng khóa học cần cải thiện. Không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng và đặc điểm nhân khẩu học, nhưng học viên tham gia nhiều khóa có xu hướng hài lòng hơn. Nhà trường nên tăng thời lượng, bổ sung chủ đề Luật Dược, kháng sinh, quản lý nhà thuốc và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật. Những cải tiến này sẽ nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng Nghị định 54/2017/NĐ-CP và hỗ trợ dược sĩ hành nghề hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Cant R, Gazula S, Ryan C. Predictors of nursing student satisfaction as a key quality indicator of tertiary students' education experience: An integrative review. Nurse Education Today, 2023, 126, 105806, doi: 10.1016/j.nedt.2023.105806.

[2] Wong W.H, Chapman E. Student satisfaction and interaction in higher education. Higher Education, 2023, 85 (5), 957-978, doi: 10.1007/s10734-022-00874-0.

[3] Al Sebaee H, Abdelaziz E, Aziz A, Mohamed N. Relationship between Nursing Students' Clinical Placement Satisfaction, Academic Self-Efficacy and Achievement. Journal of Nursing and Health Science, 2019, 6 (2), 101-112, doi: 10.9790/1959-060203101112.

[4] Rossini S, Mazzotta R, Kangasniemi M, Badolamenti S, Macale L et al. Measuring academic satisfaction in nursing students: a systematic review of the instruments. International Journal of Nursing Education Scholarship, 2022, 19 (1), 20210159, doi: 10.1515/ijnes-2021-0159.

[5] Dennison S, El-Masri M.M. Development and psychometric assessment of the undergraduate nursing student academic satisfaction scale (UNSASS). Journal of Nursing Measurement, 2012, 20 (2), 75-89, doi: 10.1891/1061-3749.20.2.75.

[6] Nguyễn Quân, Đặng Trần Ngọc Thanh, Trần Thụy Khánh Linh. Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2023, 6 (1), 34-47, doi: 10.54436/jns.2023.05.657.

[7] Amini A, Bayat R, Amini K. Barriers to Clinical Education from the Perspective of Nursing Students in Iran: An Integrative Review.

Archives of Pharmacy Practice, 2021, 11 (S1), 73-79.

[8] Enyew Belay A, Tesfaye Tegegne E, Kebede Shitu A, Enyew Belay K, Gashaw Belayneh A. Satisfaction towards clinical learning environment and its associated factors among undergraduate nursing students at public universities in Northwest Ethiopia, 2022. A multicenter cross-sectional study. International Journal of Africa Nursing Sciences, 2024, 20, 100666, doi: 10.1016/j.ijans.2024.100666.

[9] Salamonson Y, Metcalfe L, Alexandrou E, Cotton A.H, McNally S, Murphy J et al. Measuring final-year nursing students' satisfaction with the viva assessment. Nurse Education Practice, 2015, 16 (1), 91-96, doi: 10.1016/j.nepr.2015.09.003.

[10] Rossini S, Bulfone G, Vellone E, Alvaro R. Nursing students' satisfaction with the curriculum: An integrative review. Journal of Professional Nursing, 2021, 37 (3), 648-661, doi: 10.1016/j.profnurs.2021.02.003.